**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ VINH**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2018/HS-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Thị Thúy
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. ông Nguyễn Xuân Thắng
2. bà Phạm Thị Chiến

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Quang Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 250/2018/TLST-HS ngày 20/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2018/QĐXXST-HS ngày 27/6/2018 đối với bị cáo:

**Họ và tên: Đặng Hữu T** , sinh năm 1985 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: khối x, phường S, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Hữu D và bà Võ Thị Đ ; vợ: Đậu Thị Th (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: Ngày 01/10/2017, bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; nhân thân: Năm 2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Năm 2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt 25 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Năm 2013 bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 3079/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2018 đến nay (có mặt).

Người bị hại: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995
Trú tại: xóm 13, xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02h00’ ngày 04/4/2018, Đặng Hữu T đi bộ đến địa bàn phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến dãy nhà trọ số 7, đường B Nguyễn Kiệm thuộc khối 9, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, T phát hiện có phòng trọ không khóa cửa nên trèo qua tường rào vào dãy nhà trọ rồi đột nhập vào phòng trọ của anh L, thấy anh L đang ngủ, T đã lấy trộm 01 Micro không dây, 01 điện thoại Iphne 7 Plus, 01 điện thoại Iphone 5S, 01 điện thoại Samsung để trên bàn làm việc và mở ví da của anh L để trên bàn lấy trộm 3.100.000đ rồi tẩu thoát.

Sáng ngày 04/4/2018, anh L đến Công an phường Trường Thi, thành phố Vinh trình báo sự việc.

Ngày 06/4/2018 T đưa điện thoại Iphone 7Plus và Iphne 5S đến cửa hàng số 54 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh bán cho anh Cao Khắc Trung (chủ cửa hàng) với số tiền 1.400.000đ.

Ngày 12/4/2018 Đặng Hữu T ra đầu thú tại Công an phường Trường Thi, thành phố Vinh, giao nộp 01 điện thoại Samsung và 01 Micro không dây.

Tại kết luận giám định số 106/KL-ĐGTS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Vinh kết luận:

01 Micro không dây, không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng trị giá 300.000đ

01 điện thoại di động Iphne 7 Plus đã qua sử dụng trị giá 10.000.000đ,

01 điện thoại Iphone 5S đã qua sử dụng trị giá 2.000.000đ,

01 điện thoại Samsung đã qua sử dụng trị giá 400.000đ,

Tổng trị giá tài sản là 12.700.000đ

Tại bản cáo trạng số 283/VKS-HS ngày 19/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Đặng Hữu T về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hữu T từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường 15.100.000đ cho anh Nguyễn Văn L.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét hành vi phạm tội: Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ, được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: hồi 02$^{h}$00’ ngày 04/4/2018, Đặng Hữu T đã lén lút đột nhập vào phòng ở của anh Nguyễn Văn L ở đường Nguyễn Kiệm, khối 9, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An lấy trộm một số tài sản với tổng trị giá 15.800.000đ. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2. Xét tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc năm 2017 và trước đó đã nhiều lần bị đưa ra xét xử mặc dầu không coi là tiền án nhưng đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân nhưng do hám lợi bất chính, coi thường pháp luật nên lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và trả một số tài sản chiếm đoạt cho người bị hại thể hiện sự ăn năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

2.3. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã trả lại cho anh L 01 điện thoại Iphone 5S, 01 điện thoại Samsung, 01 Micro không dây nên anh L yêu cầu bị cáo phải bồi thường 13.100.000đ. Tuy nhiên, do chiếc điện thoại Iphone 5S đã bị đổi mật khẩu iCloud nên anh L không thể mở mật khẩu để sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo không nhớ mật khẩu mà mình cài đặt để cung cấp cho anh L, vì vậy chiếc điện thoại Iphone 5S không thể sử dụng được nên anh L yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm trị giá chiếc điện thoại Iphone 5S là 2.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh L yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 15.100.000đ. Xét yêu cầu của anh L là chính đáng, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L số tiền này.

[3] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đặng Hữu T 12 (Mười hai) tháng tù về tội *“Trộm cắp tài sản”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/4/2018.

Về dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 15.100.000đ (Mười lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Đặng Hữu T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 855.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSNDTP Vinh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Vinh;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trai giam Công an tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA** **THẨM PHÁN – CHỦ TOAH PHIÊN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Công an TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại giam CA tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ VINH**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi .....giờ..... ngày 18 tháng 5 năm 2018;

Tại phòng nghị án – Tòa án nhân dân Thành phố Vinh

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toa: bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Đoàn – bà Trần Thị Như Hoa

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 152/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Xuân Chiến; sinh năm 1997; tại Huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An ; cư trú: xóm Thái Thọ, xã Nghi Thái, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

**1. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:** Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý

**2. Về tội danh:** bị cáo Nguyễn Xuân Chiến phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý

**3. Về điều luật áp dụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý

**4. Về mức hình phạt:** Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân Chiến 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 (mười hai) thán. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Chiến cho UBND xã Nghi Thái, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý

**5.Các vấn đề khác:**

5.1. Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Xuân Chiến phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Căn cứ vào các điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý

Nghị án kết thúc vào hồi…....giờ..….phút..…, ngày18 tháng 5 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ VINH**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 30 tháng 01 năm 2018;

Tại: phòng nghị án - Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh nghệ An

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:)***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân :* bà Nguyễn Thị Xuân Oanh – bà Trần Thị Như Hoa

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Doãn Hữu Toàn, sinh năm 1979 tại huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An;

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
## THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
## CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Doãn Hữu Toàn 09 (chín) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/10/2017.

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Doãn Hữu Toàn phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vòa các điều 231, 232, 233 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi…....giờ..….phút..…, ngày 30 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**